

PHỤ LỤC V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TỪ NGUỒN TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2025 CHO DỰ ÁN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Số lượng dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố					
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán				Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			Tăng (+)
				Tổng số	Ngân sách thành phố trong nước	Tổng số	Ngân sách thành phố trong nước	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		
									Nguồn trái phiếu chính quyền địa phương		Nguồn trái phiếu chính quyền địa phương	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp thành phố năm 2025	
	10	TỔNG SỐ		9.705.906,354	9.705.906,354	10.773,066	10.773,066	2.338.335,462	1.094.000,000	3.409.006,271	0,000	2.164.670,809	1.070.670,809
I	5	Dự án thành phố quản lý (không bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025)		7.639.817,375	7.639.817,375	10.518,066	10.518,066	2.338.335,462	1.094.000,000	2.859.888,462	0,000	1.615.553,000	521.553,000
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Chuyên Trần Phú (giai đoạn 3)	3089/QĐ-UBND, 05/8/2026	405.292,900	405.292,900	876,256	876,256	1.320,000		81.320,000		80.000,000	80.000,000
2	1	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các khối nhà cũ và bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy, Bệnh viện Đa khoa Hải Dương	3138/QĐ-UBND, 07/8/2026	959.333,000	959.333,000			4.000,000		245.271,000		241.271,000	241.271,000
3	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại phường An Hải	2526/QĐ-UBND, 30/6/2026	253.048,000	253.048,000			69.212,533		119.212,533		50.000,000	50.000,000
4	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư trên địa bàn các phường Hồng Bàng, Hồng An	3473/QĐ-UBND, 28/8/2026	748.708,475	748.708,475			5.020,000		155.302,000		150.282,000	150.282,000
5	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An	4932/QĐ-UBND, 04/12/2025	5.273.435,000	5.273.435,000	9.641,810	9.641,810	2.258.782,928971	1.094.000,000	2.258.782,928971	0,000	1.094.000,000	0,000
II	3	Vốn chuẩn bị đầu tư		766.460,981	766.460,981	255,000	255,000	0,000	0,000	4.757,809	0,000	4.757,809	4.757,809
1	1	Dự án Vườn hoa phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn	958/QĐ-UBND, 31/7/2026 (Dự toán CBĐT)	1.317,172	1.317,172	255,000	255,000			1.041,000		1.041,000	1.041,000
2	1	Dự án phòng chống sạt lở núi và di dời các hộ dân trong vùng nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn phường Đồ Sơn	1120/QĐ-UBND, 25/8/2026 (Dự toán CBĐT)	1.516,809	1.516,809					1.516,809		1.516,809	1.516,809

STT	Số lượng dự án	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư			Lũy kế vốn giải ngân từ khi khởi công đến hết năm 2025 (ngày 31/01/2026)		Kế hoạch vốn năm 2026 nguồn ngân sách thành phố					
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư/ Tổng giá trị quyết toán				Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh			Tăng (+)
				Tổng số	Ngân sách thành phố trong nước	Tổng số	Ngân sách thành phố trong nước	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		
									Nguồn trái phiếu chính quyền địa phương		Nguồn trái phiếu chính quyền địa phương	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách cấp thành phố năm 2025	
3	1	Dự án khu tái định cư tập trung tại xã Vĩnh Bảo và xã Nguyễn Bình Khiêm	3269/QĐ-UBND, 16/8/2026 (QĐ chủ trương đầu tư); 06/QDD0BQLDDDCN-TĐCVB, 18/8/2026 (dự toán CBĐT)	763.627,000	763.627,000			0,000		2.200,000		2.200,000	2.200,000
III	2	Dự án đã thẩm định, đang trình quyết định đầu tư		1.299.627,998	1.299.627,998	0,000	0,000	0,000	0,000	544.360,000	0,000	544.360,000	544.360,000
	1	Dự án Tái định cư phục vụ GPMB dự án tuyến đường sắt tốc độ Hà Nội - Quảng Ninh trên địa bàn thành phố Hải Phòng	3971/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	910.421,953	910.421,953					377.285,000		377.285,000	377.285,000
	1	Di dời, hoàn trả nghĩa trang, trường học và các công trình khác phục vụ giải phóng mặt bằng dự án tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh trên địa bàn thành phố Hải Phòng	3972/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	389.206,045	389.206,045					167.075,000		167.075,000	167.075,000